

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DS-ST
Ngày: 18-8-2020
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hòa;
2. Ông Huỳnh Trung Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phượng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXX-ST ngày 22 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp N, xã L, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Phan Đức L (B), sinh năm 1971; (có mặt)

Chị Huỳnh Thị Quế M, sinh năm 1973; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 1231A, ấp A, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Huỳnh Thị Ngọc Y (T), sinh năm 1977; địa chỉ: Số nhà B3/9 ấp T, xã H, thị xã X, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02-3-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà và anh Phan Đức L, chị Huỳnh Thị Quế M có quen biết nhau. Vợ chồng anh L tham gia góp hụi do bà làm chủ thảo nhiều lần, nhưng các lần trước vợ chồng anh L thực hiện nghĩa vụ góp hụi rất đúng, không vi phạm. Vợ chồng anh L tiếp tục tham gia các dây hụi sau:

- Dây hụi 1: Ngày 09-9-2017 (âm lịch), hụi 10.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, chị M anh L tham gia 01 phần (bà ghi tên trong danh sách hụi là Bé M), hốt hụi kỳ thứ 1 với số tiền 158.200.000 đồng, đã trừ tiền hoa hồng 5.000.000 đồng, sau khi hốt hụi, vợ chồng anh L đóng lại hụi chết được 14 kỳ, đến tháng 12-2018 (âm lịch) thì ngưng, còn nợ lại 10 kỳ hụi chết tương đương số tiền 100.000.000 đồng.

- Dây hụi 2: Ngày 21-01-2018 (âm lịch), hụi 10.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, chị M anh L tham gia 01 phần (bà ghi tên trong danh sách hụi là Bé M), hốt hụi kỳ thứ 1 với số tiền 158.200.000 đồng, đã trừ tiền hoa hồng 5.000.000 đồng, sau khi hốt hụi, vợ chồng anh L đóng lại hụi chết được 10 kỳ, đến tháng 12-2018 (âm lịch) thì ngưng, còn nợ lại 14 kỳ hụi chết tương đương số tiền 140.000.000 đồng.

- Dây hụi 3: Ngày 15-6-2018 (âm lịch), hụi 10.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, chị M anh L tham gia 01 phần (bà ghi tên trong danh sách hụi là Bé M), hốt hụi kỳ thứ 1 với số tiền 157.000.000 đồng, đã trừ tiền hoa hồng 5.000.000 đồng, sau khi hốt hụi, vợ chồng anh L đóng lại hụi chết được 05 kỳ, đến tháng 12-2018 (âm lịch) thì ngưng, còn nợ lại 19 kỳ hụi chết tương đương số tiền 190.000.000 đồng.

Các lần bà đăng hụi, vợ chồng anh L chị M đều có ký nhận hụi. Tổng cộng anh L, chị M nợ bà 430.000.000 đồng tiền hụi chết. Từ tháng 12-2018, anh L chị M trả dần cho bà mỗi lần từ 2.000.000 – 3.000.000 đồng, mỗi lần nhận tiền bà có ghi sổ theo dõi, tổng cộng anh L, chị M trả được 80.000.000 đồng, còn nợ lại 350.000.000 đồng. Từ tháng 01-2020 (âm lịch) thì không trả tiền cho bà nữa. Các dây hụi hiện nay đã mãn, bà đã trả thay các phần hụi chết cho anh L, chị M. Nay bà yêu cầu vợ chồng anh L, chị M trả cho bà tổng số tiền 350.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Quế M trình bày: Chị thừa nhận có tham gia góp hụi do bà H làm chủ thảo. Chị và anh L có tham gia góp 02 dây hụi ngày 09-9-2017 âm lịch và ngày 21-01-2018 âm lịch như bà H trình bày, do làm ăn khó khăn nên chị chậm đóng tiền hụi chết cho bà H, hiện nay chị còn nợ tiền hụi chết của bà H là 160.000.000 đồng. Đối với dây hụi ngày 15-6-2018 vợ chồng chị chỉ nhận tiền hụi dùm cho em ruột chị - chị Huỳnh Thị Ngọc Y (tên thường gọi là T, Tuyết M), khi nhận tiền hụi thì chị và anh L đến nhà bà H để nhận do chị Y đi bán nhãn ở Campuchia nên vợ chồng chị nhận thay, khi nhận anh L có viết dòng chữ “Mợ tám gom Hụi T”. Nay chị không đồng ý trả cho bà H khoản tiền hụi này. Chị đồng ý trả cho bà H 160.000.000 đồng

nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Bị đơn anh Phan Đức L trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị M. Khi nhận tiền hội dùm cho em vợ anh – chị Y đây hội ngày 15-6-2018 âm lịch, vợ chồng anh đến nhà bà H để nhận tiền đăng hội, giấy đăng hội ngày 19-6-2018 âm lịch do bà H viết, vì bà H viết giấy hội đăng hội cho vợ chồng anh mà vợ chồng anh chỉ nhận tiền hội dùm cho chị Y nên anh có viết thêm dòng chữ “Mợ tám gơm Hội Tuyết” rồi anh mới ký tên. Vợ chồng anh nhận đủ số tiền 157.000.000 đồng, sau đó chị M giao số tiền này cho chị Y. Nay anh đồng ý trả cho bà H số tiền 160.000.000 đồng; không đồng ý trả số tiền hội chết của đây hội ngày 15-6-2018 do đây hội này chị Y là người tham gia góp hội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Ngọc Y trình bày:

Chị có tham gia góp hội do bà H làm chủ thảo như anh L chị M trình bày. Chị và bà H có quen biết nhau do chị có tham gia góp hội do bà H là chủ thảo. Do chị làm ăn thất bại bà H không cho tham gia góp hội nữa nên chị nói với chị M nói lại với bà H để bà H cho tham gia góp hội để chị có vốn làm ăn; khi chị M nói thì bà H nói nếu anh L, chị M bảo lãnh thì bà H đồng ý cho tham gia góp hội. Chị hót hội kỳ thứ nhất, đây hội 10.000.000 đồng, chị không nhớ ngày, do chị M anh L nhận tiền hội dùm cho chị, sau đó chị M trực tiếp giao tiền hội cho chị và 01 giấy đăng hội, số tiền chị hót hội được là khoảng 160.000.000 đồng, chị không nhớ chính xác. Sau khi hót hội, chị đóng tiền hội chết được vài lần thì ngưng cho đến nay. Mỗi khi đóng tiền hội chị gửi tiền cho chị M để đóng hội cho bà H. Khi tham gia góp hội chị cũng không gặp trực tiếp bà H để thỏa thuận việc tham gia góp hội mà chị thông qua chị M để tham gia góp hội của bà H. Mọi vấn đề góp hội, hót hội chị đều thông qua chị M để chị M nói lại với bà H chứ chị không gặp trực tiếp bà H. Chị xác định chị còn nợ bà H 19 kỳ hội chết tương ứng số tiền 190.000.000 đồng, do làm ăn khó khăn nên không gửi tiền chị M để đóng hội cho bà H. Nay chị đồng ý trả cho bà H số tiền 190.000.000 đồng, nhưng chị xin trả dần 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết số nợ trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc anh L, chị M trả cho bà H số tiền 350.000.000 đồng; ghi nhận bà H không yêu cầu tính tiền lãi. Về án phí: Anh L chị M phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Bà H xác định anh L, chị M tham gia 03 dây hội 10.000.000 đồng/tháng do bà H làm chủ gồm: Dây hội ngày 09-9-2017, dây hội ngày 21-01-2018 và dây hội ngày 15-6-2018 âm lịch; anh L chị M đã hốt hội, đóng lại hội chết đến tháng 12-2018 thì ngưng đóng hội, còn nợ bà H tiền hội chết của 03 dây hội là 430.000.000 đồng sau đó trả dần cho bà được 80.000.000 đồng, còn nợ lại 350.000.000 đồng. Bà yêu cầu vợ chồng anh Phan Đức L, chị Huỳnh Thị Quế M trả cho bà số tiền nợ hội còn nợ là 350.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[1.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H thấy rằng: Anh L, chị M thống nhất việc tham gia góp hội, lĩnh hội, ký nhận hội và thời điểm ngưng đóng tiền hội chết cho bà H của hai dây hội ngày 09-9-2017 âm lịch và dây hội ngày 21-01-2018 âm lịch. Anh chị hốt hội kỳ thứ nhất sau đó đóng tiền hội chết đến tháng 12-2018 âm lịch thì ngưng do làm ăn khó khăn nên anh chị trả dần cho bà H mỗi lần từ 2.000.000 đồng – 5.000.000 đồng, hiện còn nợ số tiền 160.000.000 đồng. Đối với dây hội ngày 15-6-2018 anh L, chị M cho rằng nhận tiền hội dùm cho chị Huỳnh Thị Ngọc Y – tên thường gọi Tuyết Minh là em ruột của chị M, khi nhận tiền hội anh chị có ký tên nhưng ghi thêm dòng chữ “Mợ tám gom Hội tuyết” để xác nhận việc chị Y là người tham gia góp hội, số tiền 190.000.000 đồng còn nợ bà H là dây hội chị Y tham gia nên anh chị không đồng ý trả cho bà H. Xét lời trình bày của anh L, chị M thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án anh L cung cấp chứng cứ là đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa vợ chồng anh L và bà H khi anh chị nhận tiền hội. Tuy nhiên, bà H không thừa nhận việc đồng ý cho chị Y tham gia góp hội, đoạn ghi âm cũng không thể hiện việc bà H xác nhận cho chị Y tham gia góp hội; mặt khác, chị Y thừa nhận bà H không đồng ý cho chị tham gia góp hội mà phải có sự bảo lãnh của chị M anh L, chị không gặp trực tiếp bà H để thỏa thuận việc tham gia góp hội mà thông qua chị M để tham gia góp hội, hốt hội, đóng tiền hội chết cho bà H (Bút lục 43) và trên thực tế bà H cũng đăng tiền hội trực tiếp cho vợ chồng anh L, danh sách hội và giấy nhận tiền hội đều thể hiện vợ chồng anh L (Bé M) tham gia góp hội và nhận tiền hội, bà H thu tiền hội chết từ anh L, chị M. Do đó, lời trình bày của anh L, chị M là không có cơ sở chấp nhận.

[1.2] Anh L, chị M xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy, việc anh L chị M ngưng góp tiền hội chết cho bà H đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà H; các dây hội đã mãn, bà H đã thực hiện xong nghĩa vụ góp thay cho chị M anh L và bà H không đồng ý cho trả dần do đó yêu cầu xin trả dần của anh L chị M không được chấp nhận.

[2] Xét lời trình bày của chị Y: Chị Y đồng ý chịu trách nhiệm trả cho bà H số tiền 190.000.000 đồng và xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Bà H xác định chị Y không tham gia góp hội đây hội ngày 15-6-2018 âm lịch nên không yêu cầu chị Y có trách nhiệm trả tiền cho bà. Chị Y cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc chị tham gia góp hội do bà H làm chủ nên đề nghị của chị Y không được chấp nhận.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Ghi nhận bà H không yêu cầu tính tiền lãi.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm khi toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, cụ thể: Anh L, chị M phải chịu: 350.000.000 đồng x 5% = 17.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 8, 16, 24 và Điều 25 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H đối với anh Phan Đức L, chị Huỳnh Thị Quế M về việc *“Tranh chấp hợp đồng góp hội”*.

Anh Phan Đức L và chị Huỳnh Thị Quế M có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 350.000.000 (*ba trăm năm mươi triệu*) đồng.

Ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh L, chị M phải chịu 17.500.000 (*mười bảy triệu năm trăm nghìn*) đồng.

- Bà H không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả bà H 8.750.000 (*tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004317 ngày 06-3-2020.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- THA Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu: Tập án, VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Thơ